TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ

Bản án số: 168/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2019
V/v Ly hôn giữa chị N và anh Đức A.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơm
2. Ông Nguyễn Xuân Quỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Thúy N, sinh năm 1996; Trú tại: A2, 282A, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đức A, sinh năm 1997; Trú tại: Ấp Thới Hiệp, xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2015, do quen biết, tìm hiểu chị và anh Nguyễn Văn Đức A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 25/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thắng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tình cảm hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau nên chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với anh Đức A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Phan Bảo H, sinh ngày 10/12/2016, hiện cháu sống với chị N.

Về tài sản chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Đức A vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn Đức A.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Bảo H, sinh ngày 10/12/2016 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có tranh chấp.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đức A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đức A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị N và anh Đức A được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị N thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau. Thời gian sống ly thân trong thời gian dài nhưng vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Chị N nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đức A vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, chị N cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Đức A, anh Đức A vắng mặt. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 28/01/2019 xác

định: Không xác định được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn nhưng hiện tại anh Đức A và chị N không còn sống chung. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đức A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị N xin ly hôn với anh Đức A là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Phan Bảo H, sinh ngày 05/3/2014. Chị N yêu cầu được giành quyền nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc sống ly thân, cháu H đang sống ổn định bên chị N. Hơn nữa, chị N cũng có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Mặc khác, quá trình sống ly thân, anh Đức A không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con chung cùng với chị N. Hiện cháu còn nhỏ rất cần được sự chăm sóc của mẹ. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường về mặt tâm lý cho cháu nên cần thiết tiếp tục cho cháu sống ổn định như ban đầu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh Đức A không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh Đức A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với anh Đức A. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.3] Tài sản chung; nghĩa vụ chung: Chị N xác định không có nhưng do xét xử vắng mặt nên không rõ ý kiến của anh Đức A. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa chị N và anh Đức A là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn Đức A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Bảo H, sinh ngày 10/12/2016 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Thúy N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 001449 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Công nhận chị N đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đông Thắng;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng